| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN B - TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 99/2023/QĐST-HNGĐ | *B, ngày 18 tháng 5 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", giữa:

1. *Nguyên đơn*: Anh Lê Quốc N, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2023.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Quốc N và chị Nguyễn Thị O. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 09/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

2.1. Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị Cẩm I, sinh ngày 20/12/2003 (đã trưởng thành) và Lê Thị Cẩm C, sinh ngày 19/11/2012. Chị O được quyề tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Thị Cẩm

C, sinh ngày 19/11/2012 đến khi con đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Lê Quốc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: không có.

2.4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) anh Lê Quốc N tự nguyện nộp toàn bộ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001437 ngày 28/02/2023 của Chi cục I hành án dân sự huyện B. Anh N được nhận lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T (B – Bến Tre);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Lựu**